



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

số tháng 5/2023



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 04/2023	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	6
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	8
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 04/2023	8
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	8
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	8
1.1.2. Xuất nhập khẩu	10
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	11
1.1.4. Hoạt động đầu tư	12
1.1.5. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	13
1.1.6. Chỉ số giá tiêu dùng	13
1.1.7. Lạm phát	14
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	15
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	15
1.2.2. Lãi suất	15
1.2.3. Tỷ giá	16
1.2.4. Chứng khoán	16
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	17
2.1. Về chủ trương, chính sách	17
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	17
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	19
1. Thị trường dầu thô	19
2. Thị trường khí	22
3. Thị trường phân bón	24
4. Thị trường điện	27
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	29
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 4 năm 2023</i>	30



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 04/2023

1.1. Tổng quan chung

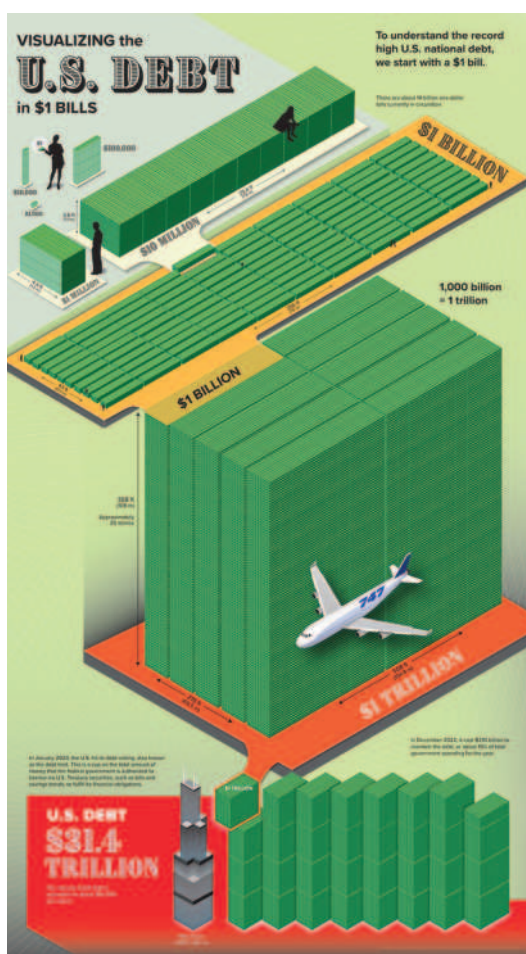
Kinh tế toàn cầu vẫn chìm trong khó khăn với biểu hiện nổi bật là nguồn cung rối loạn và không đáp ứng kịp nhu cầu, giá cả tăng cao, lạm phát vẫn cao dai dẳng ở nhiều quốc gia, đặt ra khả năng các ngân hàng trung ương tiếp tục phải tăng lãi suất.

Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu giữ nguyên ở mức 49,6 điểm trong tháng 4/2023. Tuy nhiên PMI trong tháng 4 đã ghi nhận tín hiệu tích cực hơn về tốc độ tăng trưởng sản lượng và việc làm bất chấp việc các đơn hàng mới tiếp tục suy giảm nhẹ

Về tài chính tiền tệ, giới phân tích đang quan ngại về khủng hoảng ngân hàng tại Mỹ có lan rộng ra quy mô toàn cầu khi liên tiếp 4 ngân hàng của Mỹ đã sụp đổ trong vòng 2 tháng qua. Đó là Silvergate Bank, Silicon Valley Bank, First Republic Bank và PacWest Bancorp. Sự thật là không chỉ các ngân hàng của Mỹ, mà hầu hết các ngân hàng toàn cầu đều đang đương đầu với nguy cơ suy thoái kinh tế và môi trường lãi suất cao sau 10 lần nâng lãi suất liên tiếp của Fed kể từ tháng 3/2022.

Bên cạnh đó xuất hiện cảnh báo Mỹ sẽ chạm trần nợ vào khoảng đầu tháng 6 trừ khi Quốc hội tăng trần nợ. Trong trường hợp xấu, một vụ vỡ nợ cấp quốc gia của Mỹ sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng, không kém cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008.

— 31,4 NGHÌN TỶ USD NHIỀU CHỪNG NÀO —



Nguồn: Visualcapitalist

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

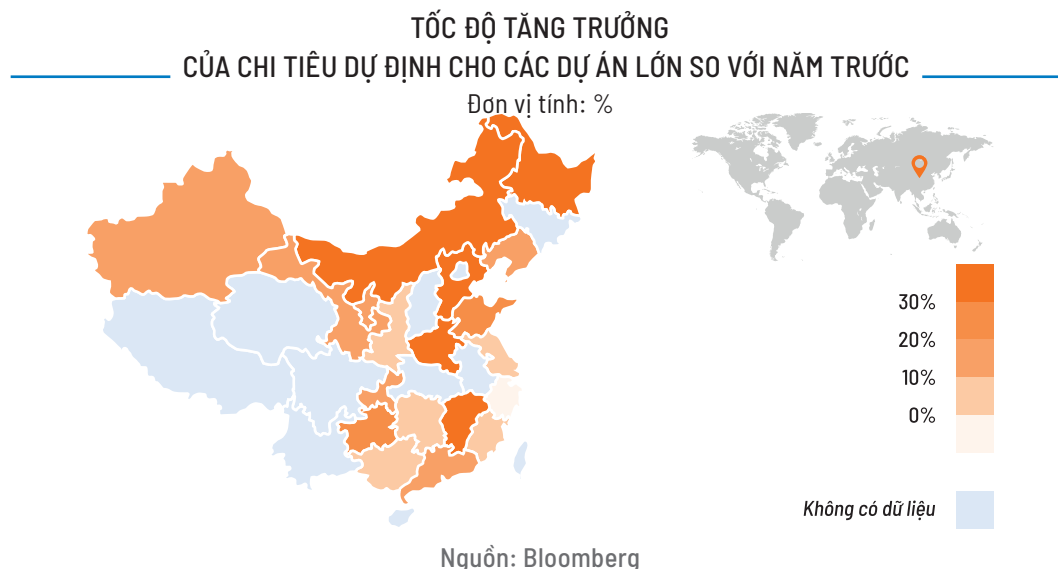
▪ Kinh tế Trung Quốc

Trong tháng 4, chỉ số PMI ngành sản xuất của Trung Quốc đã giảm xuống còn 49,2 điểm, từ mức 51,9 điểm của tháng 3. Đây là lần đầu tiên kể từ tháng 12 năm ngoái chỉ số này ở mức dưới 50 điểm và là dấu hiệu cho thấy sự suy giảm. Các chỉ số phụ về đơn hàng mới, đơn hàng xuất khẩu mới và việc làm ngành sản xuất đều ở dưới 50 điểm. Sự suy giảm trong hoạt động sản xuất tháng 4 của nước này chủ yếu do nhu cầu với hàng xuất khẩu của Trung Quốc sụt giảm.

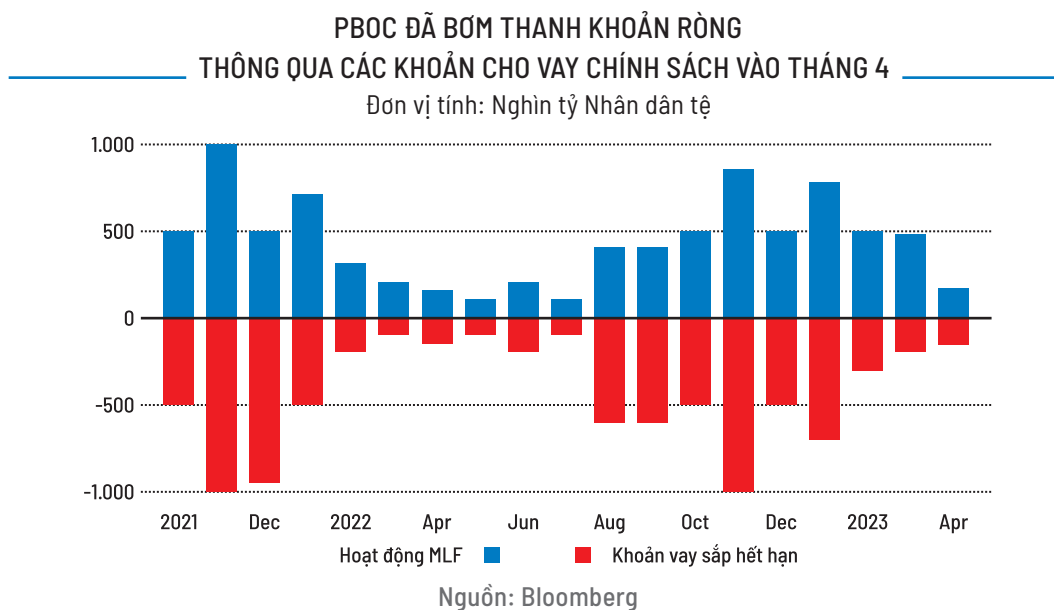
Trong khi đó, chỉ số PMI hoạt động phi sản xuất trong lĩnh vực dịch vụ và xây dựng cũng giảm xuống còn 56,4 điểm, từ mức 58,2 điểm của tháng 3. Dù giảm nhưng điều này cho thấy các ngành này vẫn đang phục hồi nhờ chi tiêu của người tiêu dùng cũng như của Chính phủ tăng lên.

Các dữ liệu kinh tế trái chiều trong tháng 4 vừa công bố đã khiến chính quyền Trung Quốc giữ nguyên lập trường về chính sách kinh tế khi cho rằng nền kinh tế Trung Quốc vẫn đang trong tình trạng nhu cầu yếu.

Thị trường bất động sản Trung Quốc đã ghi nhận những thay đổi tích cực. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đang dựa vào chiến lược tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng để kích thích tăng trưởng. Song, áp lực nợ của Trung Quốc sẽ gia tăng cùng với chi tiêu của các chính quyền địa phương. Trong năm nay, các tỉnh, thành phố của Trung Quốc dự định sẽ tăng chi tiêu cho các dự án xây dựng lớn thêm gần 20%.



Trong tháng 4, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) đã cung cấp 170 tỷ nhân dân tệ (tương đương 25 tỷ USD) cho các ngân hàng thông qua các khoản cho vay trung hạn (MLF). Tuy nhiên, trong tháng 4 sẽ có 150 tỷ nhân dân tệ khoản vay MLF đến hạn. Điều đó dẫn đến việc PBOC chỉ bơm ròng 20 tỷ nhân dân tệ trong tháng 4, mức nhỏ nhất kể từ tháng 11/2022. PBOC cũng quyết định giữ nguyên lãi suất LPR ở mức 2,75% lần thứ 8 liên tiếp.



Chính phủ *Trung Quốc* đã đặt mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 5% cho năm 2023. Đầu tháng này, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (*IMF*) dự báo kinh tế nước này có thể tăng trưởng 5,2% còn Ngân hàng Thế giới (*WB*) ước tính con số 5,1% cho năm 2023.

▪ **Kinh tế Mỹ**

Ngày 27/4, Bộ Thương mại Mỹ công bố GDP của nước này tăng 1,1% trong Quý I/2023. Con số này thấp hơn đáng kể so với mức 2,6% của quý IV/2022 và cũng thấp hơn so với dự báo 2,0% từng được các chuyên gia đưa ra trước đây.

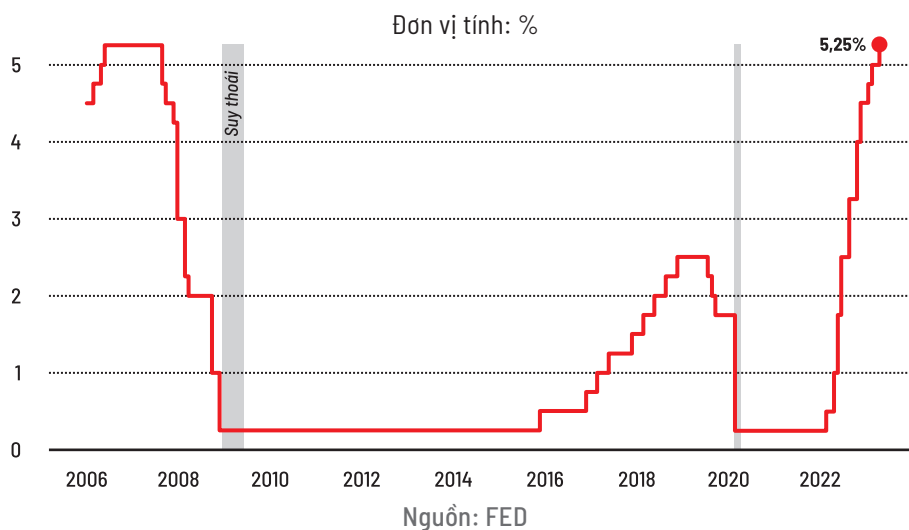
Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) tăng 4,2% trong quý 1, vượt xa mức dự báo là tăng 3,7%. Không tính giá năng lượng và lương thực-thực phẩm, PCE lõi tăng 4,9%, so với mức tăng 4,4% ghi nhận trong kỳ trước đó. Tiêu dùng tăng 3,7% trong quý 1 và xuất khẩu tăng 4,8%. Tổng đầu tư trong nước của khu vực kinh tế tư nhân giảm 12,5%.

Chỉ số PMI sản xuất đạt 50,2 vào tháng 4/2023, tăng 1 điểm từ 49,2 vào tháng 3/2023 và đã vượt ngưỡng 50 điểm. Chỉ số này đã tăng trong tháng thứ tư liên tiếp báo hiệu sự hồi phục của nền kinh tế.

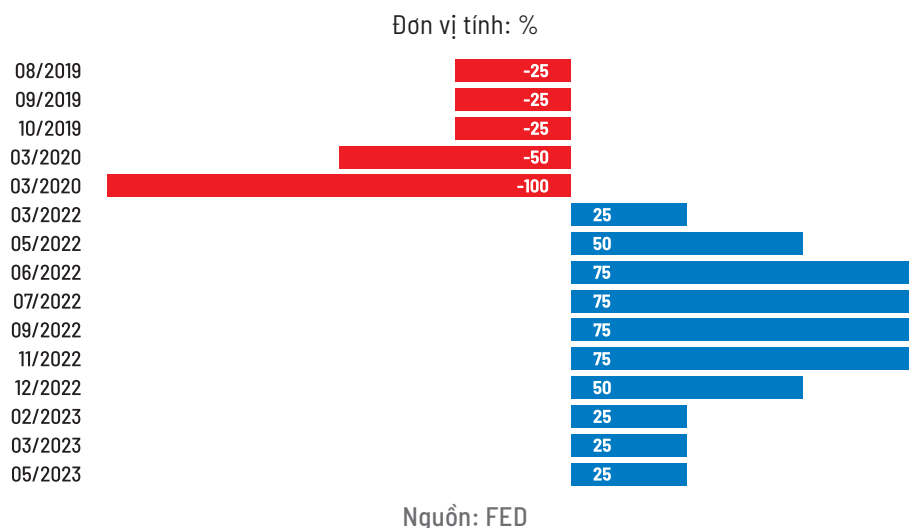
Ngày 3/5, Fed quyết định nâng lãi suất 0,25 điểm phần trăm, tăng lên mức 5-5,25%, gần bằng mức ở thời điểm trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu cách đây 16 năm. Đồng thời, Fed ngầm phát tín hiệu rằng đợt tăng lãi suất này có thể là lần nâng cuối cùng trong chiến dịch thắt chặt tiền tệ để đưa lạm phát về mục tiêu 2%. Nhiều định chế tài chính ở Mỹ đã thắt chặt hoạt động tín dụng để ứng phó với đợt tăng mạnh lãi suất của Fed. Điều này dẫn đến lo ngại rằng nhiều doanh nghiệp có thể khó tiếp cận các khoản vay ngắn hạn.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 5/2023

LÃI SUẤT FED TỪ NĂM 2006 ĐẾN NAY



FED TĂNG LÃI SUẤT 10 LẦN LIÊN TIẾP TỪ 3/2022 ĐẾN NAY



IMF dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế Mỹ sẽ giảm 0,44% trong năm nay do năng lực ngành ngân hàng Mỹ được dự báo sẽ giảm 1%.

▪ *Kinh tế Eurozone*

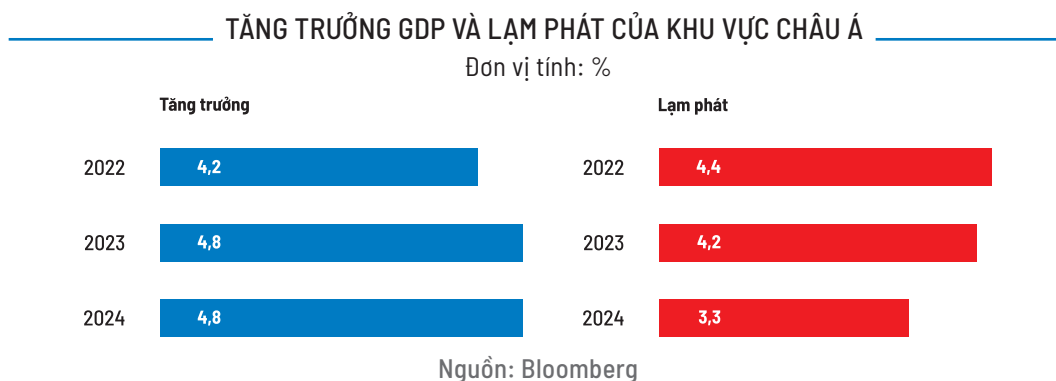
PMI trong lĩnh vực sản xuất đã giảm từ 47,3 trong tháng 3 xuống 45,5 điểm trong tháng 4/2023, mức thấp nhất kể từ khi đại dịch COVID-19 hoành hành. Trong khi đó, chỉ số PMI của ngành dịch vụ đã tăng vọt lên 56,6 trong tháng 4/2023 so với mức 55, và vượt kỳ vọng của thị trường do người tiêu dùng tiếp tục chi tiêu. Chỉ số PMI cho thấy khu vực Eurozone đang tiếp tục phục hồi nhưng không đồng đều, lĩnh vực dịch vụ đang bùng nổ, trong khi lĩnh vực sản xuất ngày càng suy yếu.

Lạm phát ở Eurozone nhích lên 7% trong tháng 4 từ mức 6,9% trong tháng 3. Thị trường lao động tiếp tục thắt chặt, với tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ còn 6,5% trong tháng 3. Tuy nhiên, lạm phát lõi - thước đo không tính đến giá hai nhóm mặt hàng có mức độ biến động lớn là lương thực-thực phẩm và năng lượng - bất ngờ tụt còn 5,6% trong tháng 4. Đây được xem là một dấu hiệu cho thấy tốc độ tăng giá sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới. Mục tiêu lạm phát của ECB là 2%.

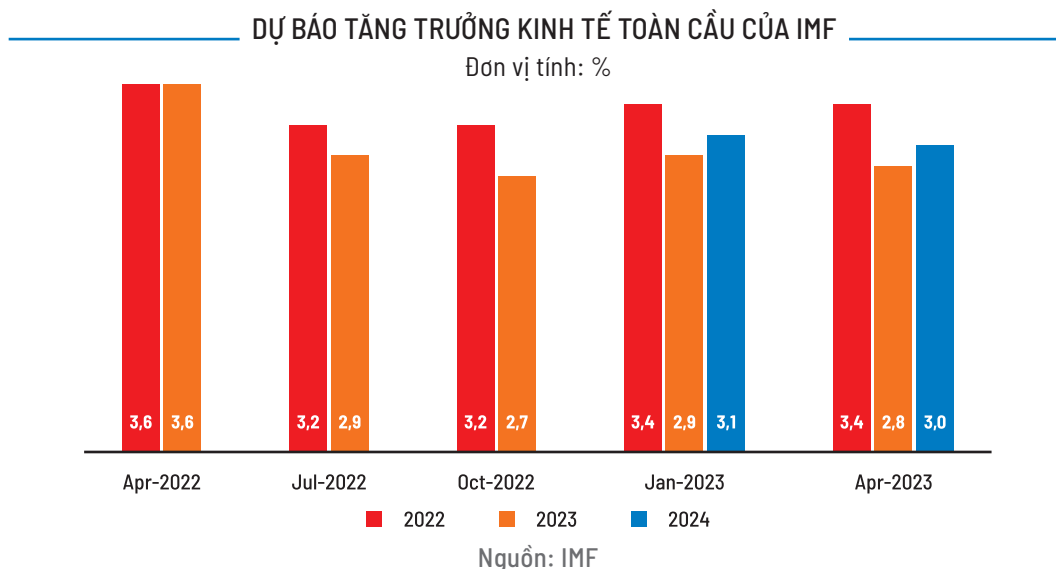
Đúng một ngày sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất 0,25 điểm phần trăm, ngày 4/5, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) quyết định tăng lãi suất 0,25 điểm phần trăm lên 3,25% - bước nhảy nhỏ nhất kể từ khi bắt đầu chiến dịch nâng lãi suất vào tháng 7 năm ngoái. Sự giảm tốc diễn ra sau khi số liệu công bố cho thấy lạm phát lõi ở khu vực Eurozone đã hạ nhiệt và các ngân hàng thương mại giảm mạnh hoạt động cho vay. Tính đến thời điểm hiện tại, ECB đã có 7 đợt nâng lãi suất nhằm đưa lạm phát về tầm kiểm soát.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong bản cập nhật dự báo khu vực châu Á được công bố ngày 4/4, ADB cho biết, 46 quốc gia trên khắp lục địa sẽ tăng trưởng ở mức 4,8% vào năm 2023 và 2024, nhanh hơn mức 4,2% của năm ngoái. Lạm phát sẽ ở mức vừa phải ở mức 4,2% trong năm nay và giảm nhẹ từ mức 4,4% vào năm 2022.



Trong báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới mới công bố ngày 11/4, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo GDP toàn cầu tăng trưởng 2,8% trong năm nay, giảm so với mức dự báo 2,9% đưa ra hồi tháng 1.

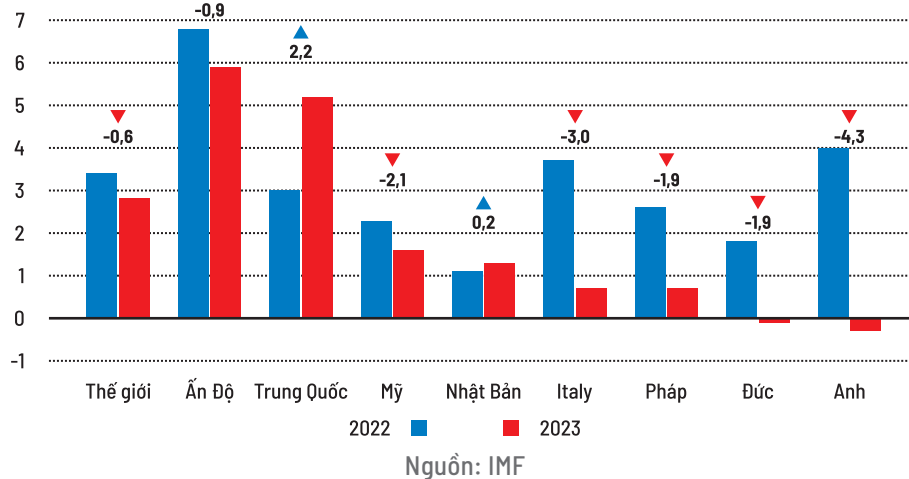


IMF cho rằng, quá trình phục hồi của kinh tế thế giới đang ngày càng trở nên gập ghềnh hơn trong bối cảnh đối mặt lạm phát dai dẳng, lãi suất tăng và những bất ổn do sự sụp đổ một số ngân hàng lớn của Mỹ thời gian qua.

Trung Quốc và Nhật là hai nền kinh tế duy nhất trong 8 nền kinh tế lớn nhất thế giới được IMF dự báo ghi nhận tăng trưởng kinh tế dương trong năm nay.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP THỰC TẾ
CỦA CÁC NỀN KINH TẾ LỚN NHẤT THẾ GIỚI NĂM 2022/2023

Đơn vị tính: %



Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cũng vừa công bố Báo cáo Triển vọng thương mại toàn cầu với *dự báo thương mại toàn cầu trong năm nay sẽ chỉ tăng 1,7%*.



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

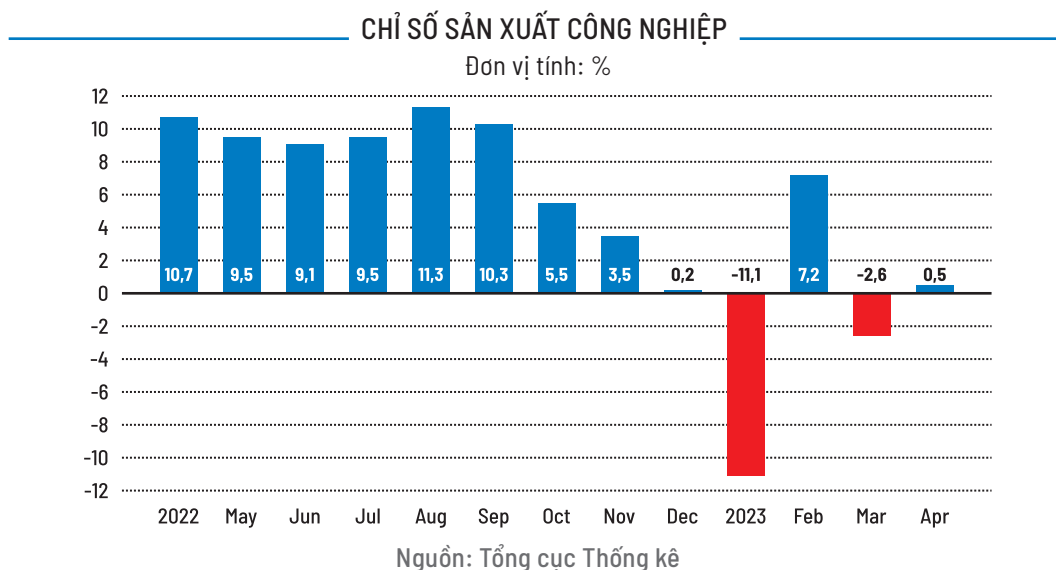
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 04/2023

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2023 ước tính tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, IIP ước tính giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 7,8%).

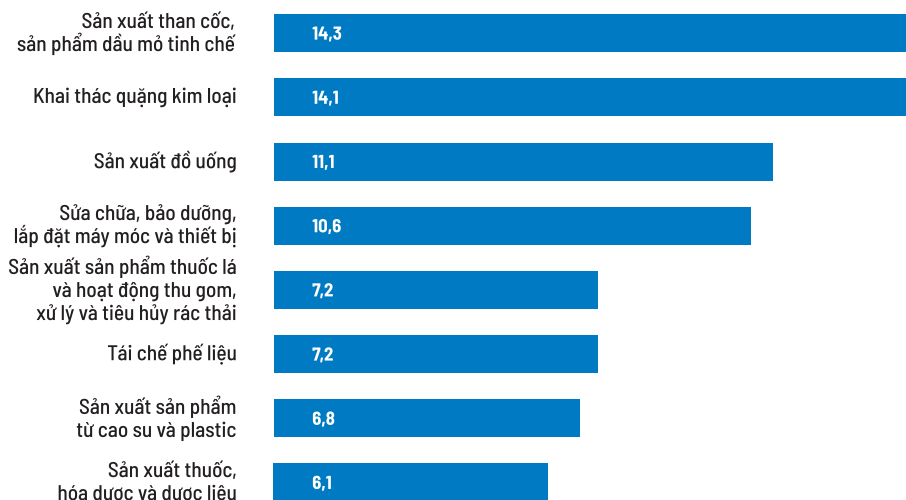


Trong đó, ngành khai khoáng giảm 2,8%, làm giảm 0,5 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành chế biến, chế tạo giảm 2,1%, làm giảm 1,5 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,5%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,5%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 5/2023

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 CỦA MỘT SỐ NGÀNH TĂNG SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2022

Đơn vị tính: %

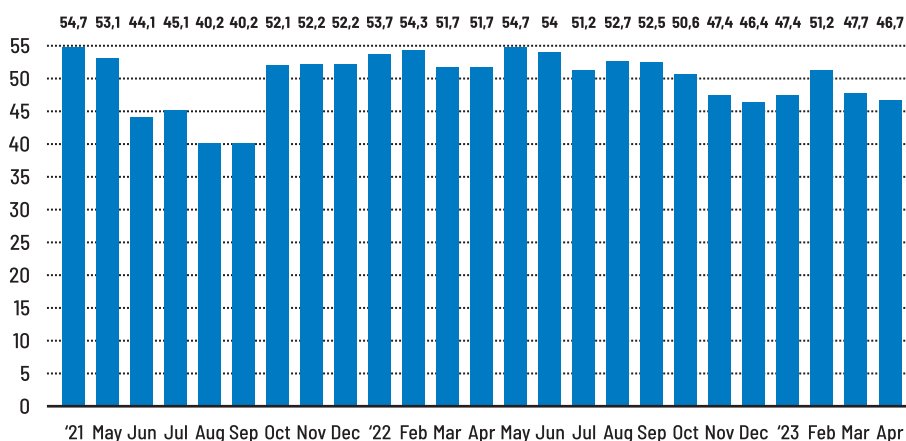


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tháng 4/2023 tiếp tục dưới ngưỡng trung bình, khi chỉ đạt 46,7 điểm với 3 điểm nổi bật là (i) sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới giảm mạnh hơn; (ii) việc làm giảm tháng thứ hai liên tiếp và (iii) chi phí đầu vào tăng chậm lại, qua đó có thể giúp các công ty giảm giá bán hàng để thúc đẩy nhu cầu. Đây là lần giảm thứ năm trong sáu tháng qua và cũng là lần giảm mạnh nhất trong năm tính đến thời điểm này.

PMI SẢN XUẤT VIỆT NAM

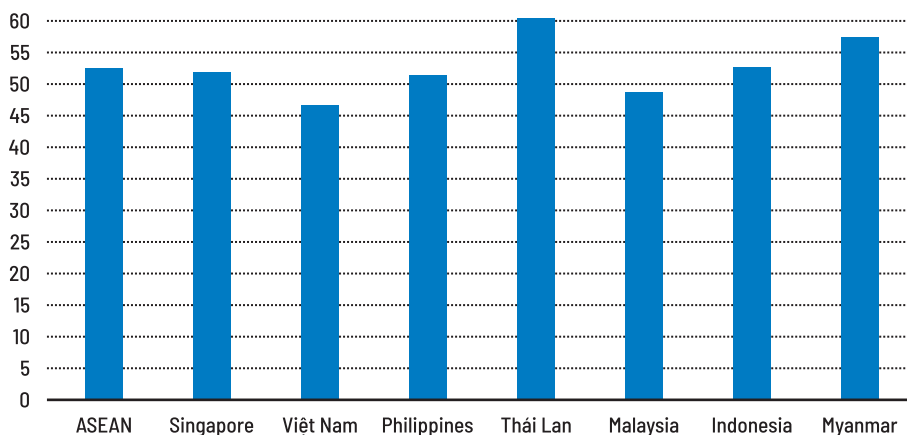
Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

PMI THÁNG 4/2023 KHU VỰC ASEAN

Đơn vị tính: %



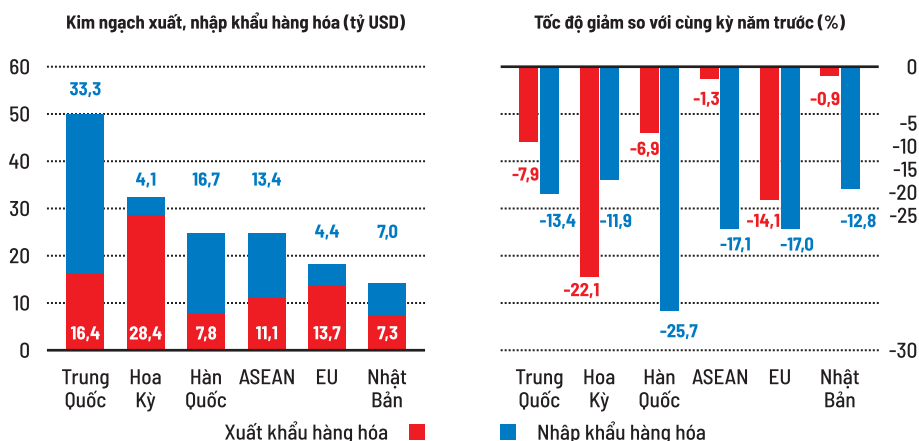
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đáng chú ý, Malaysia (48.8 điểm PMI) và Việt Nam (46.7 điểm PMI) là hai quốc gia có các điều kiện hoạt động sản xuất suy giảm vào tháng 4/2023 trong bối cảnh sản xuất ASEAN cải thiện mạnh mẽ vào đầu quý 2, đạt kết quả trên ngưỡng 50 điểm tháng thứ 19 liên tiếp, tăng từ 51 điểm trong tháng 3 lên 52,7 điểm trong tháng 4, mức tăng mạnh nhất trong 7 tháng. Với chỉ số toàn phần 46,7 điểm PMI trong tháng 4/2023, Việt Nam tháng thứ hai liên tiếp nằm cuối bảng xếp hạng trong các quốc gia ASEAN.

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Xuất nhập khẩu hàng hóa trong 4 tháng đầu năm 2023 đạt 210,79 tỷ USD; trong đó, xuất khẩu đạt 108,57 tỷ USD, nhập khẩu đạt 102,22 tỷ USD. Với kết quả này, cán cân thương mại tiếp tục nghiêng về xuất siêu với 6,35 tỷ USD.

THỊ TRƯỜNG XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CHỦ YẾU 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

▪ Xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 4/2023 ước đạt 27,54 tỷ USD, giảm 7,3% so với tháng trước và giảm 17,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 108,57 tỷ USD, giảm 11,8% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2023, nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 96,1 tỷ USD, chiếm 88,5%.

▪ Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 4/2023 ước đạt 26,03 tỷ USD, giảm 8,1% so với tháng trước và giảm 20,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 102,22 tỷ USD, giảm 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2023, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 95,64 tỷ USD, chiếm 93,6%.

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 4/2023, cả nước có gần 16 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 12,3% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có 9.610 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 52,9% so với tháng trước và tăng 36,6% so với cùng kỳ năm 2022; có 7.163 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 72,7% và tăng 32,9%; có 5.837 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 69,1% và tăng 55,2%; có 1.509 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 6,9% và tăng 23%.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2022



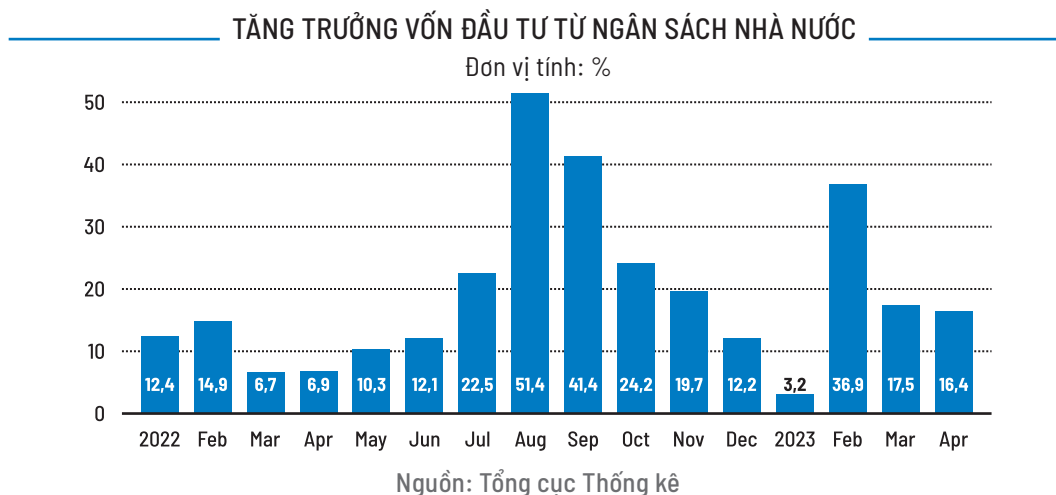
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, cả nước có 78,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 19,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 77 nghìn doanh nghiệp, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 19,2 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

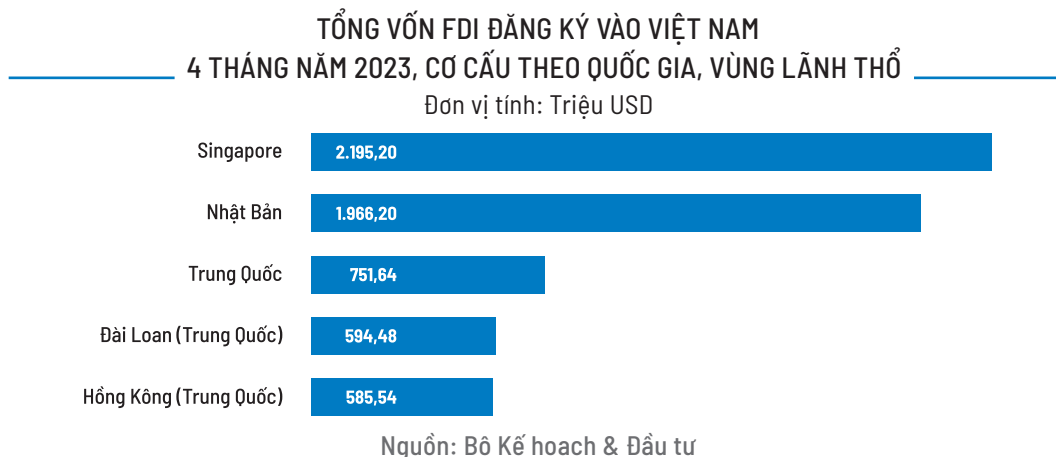
Được các Bộ, ngành và địa phương tập trung đẩy mạnh thực hiện, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, **vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước** tháng Tư ước đạt gần 39,3 nghìn tỷ đồng, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 19% kế hoạch, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước.



Đầu tư nước ngoài (FDI): Sau 3 tháng đầu năm giảm mạnh, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tháng 4/2023 đã xuất hiện những tín hiệu tích cực trở lại khi nhà đầu tư quốc tế lên những kế hoạch đầu tư mới tại Việt Nam. Số liệu thống kê đến 20/4/2023 cho thấy tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 8,88 tỷ USD, giảm 17,9% so với cùng kỳ. Dù thu hút vốn FDI vẫn giảm so với cùng kỳ, song mức giảm này đã cải thiện hơn so với 3 tháng (38,8%).

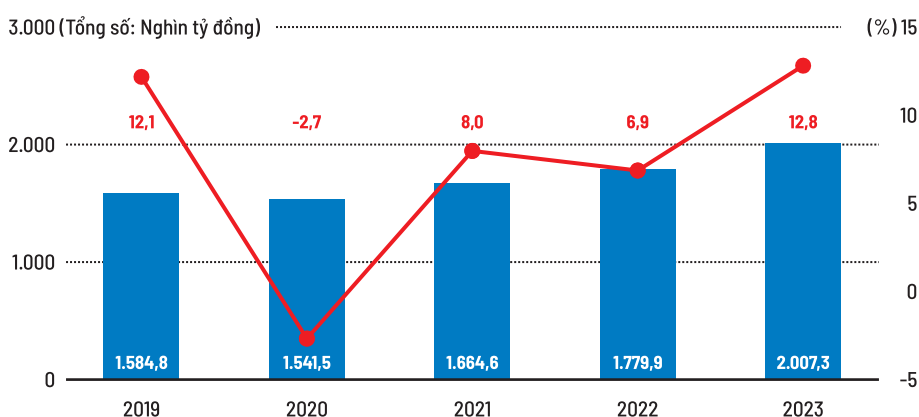
Đáng chú ý, ngoài vốn đầu tư điều chỉnh tiếp tục giảm, vốn đầu tư mới và góp vốn mua cổ phần đã tăng trở lại, chủ yếu từ các nhà đầu tư nước ngoài có quy mô vừa và nhỏ trong bối cảnh tác động của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu khiến các nhà đầu tư lớn sự cẩn trọng, xem xét kỹ hơn trong các quyết định đầu tư.



1.1.5. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng Tháng Tư ước tính tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 25,8% và doanh thu du lịch lữ hành tăng 109,4%.

**TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG
4 THÁNG ĐẦU CÁC NĂM 2019-2023**



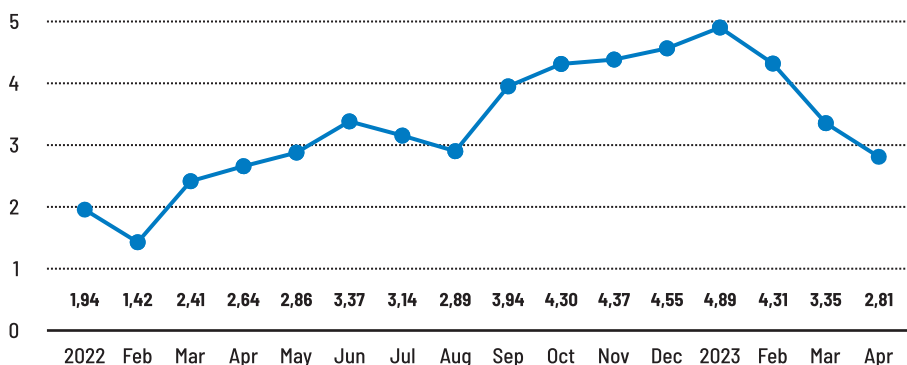
Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.6. Chỉ số giá tiêu dùng

Giá thực phẩm giảm do nguồn cung dồi dào, học phí tại một số địa phương được điều chỉnh theo Nghị quyết số 165/NQ-CP là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2023 giảm 0,34% so với tháng trước. So với tháng 12/2022 CPI tăng 0,39% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,81%. Bình quân 4 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,84% so với cùng kỳ năm trước.

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG SO VỚI CÙNG KỲ

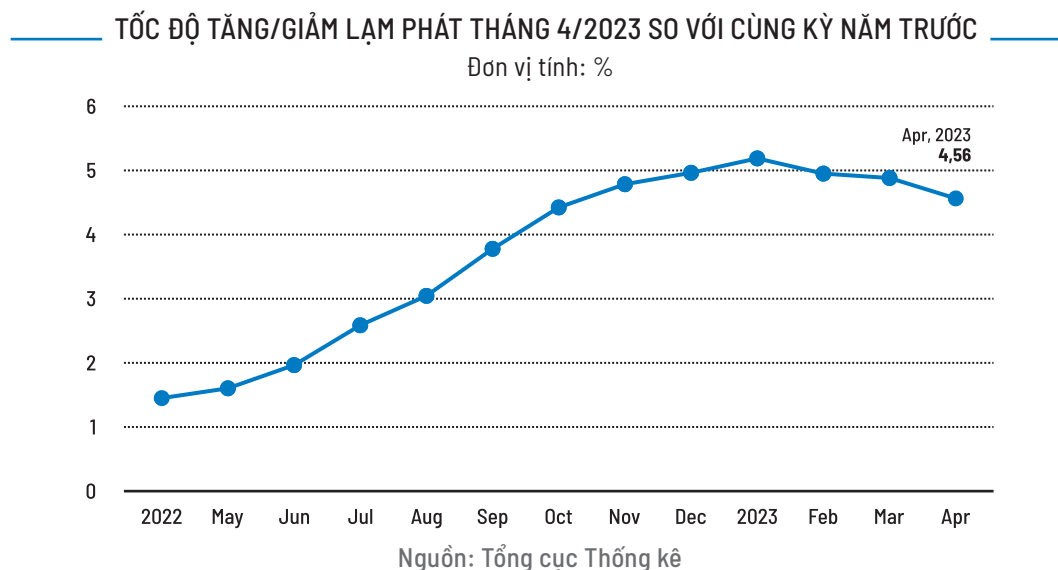
Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.7. Lạm phát

Từ đà tăng hiện nay của giá dầu, công cuộc hạ nhiệt lạm phát của Việt Nam rất có thể cũng sẽ gặp khó khăn trong giai đoạn tới. Các mặt hàng xăng dầu luôn là nguyên liệu đầu vào thiết yếu của nền kinh tế, và việc giá xăng dầu được điều chỉnh tăng sẽ kéo theo đà tăng của nhiều nhóm hàng hoá và dịch vụ khác, đặc biệt là lĩnh vực giao thông vận tải.



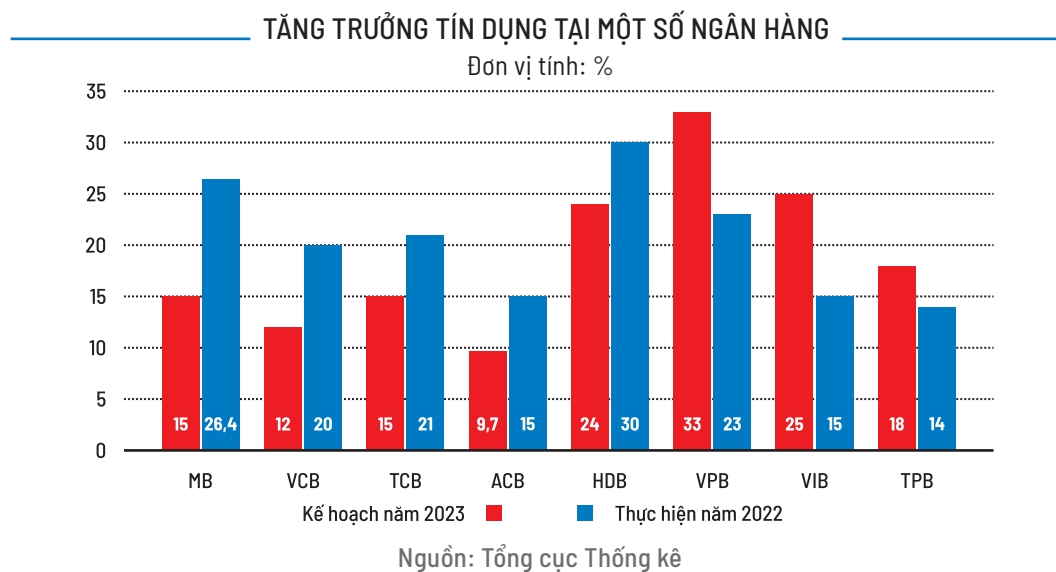
IMF dự báo lạm phát ở Việt Nam ở mức 5% năm nay và 4,3% năm sau, cao hơn con số 3,2% năm ngoái.

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Năm 2023, mục tiêu tăng trưởng tín dụng do Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đặt ra là 14 - 15% - tương đương mức tăng năm ngoài (14,5%). Tính đến ngày 20/4/2023, tăng trưởng tín dụng đạt trên 12,23 triệu tỷ đồng, tăng 2,57% so với cuối năm 2022, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2022. Mức tăng trưởng này chỉ bằng hơn 1/3 so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, hầu hết các ngân hàng tăng trưởng tín dụng còn thấp, nhiều ngân hàng chỉ tăng trên dưới 1%; thậm chí có ngân hàng tăng trưởng âm.

Theo đánh giá của các chuyên gia, nguyên nhân chủ yếu là do dưới tác động của tình hình địa chính trị thế giới ảnh hưởng đến dòng vốn, dòng hàng hóa, lưu chuyển hàng hóa trên thế giới, nền kinh tế trong nước đang đối diện nhiều khó khăn, nhiều DN phải dừng hoạt động hoặc phải giảm bớt quy mô kinh doanh, ảnh hưởng đến công ăn việc làm, đời sống của người lao động. Thị trường bất động sản; thị trường vốn (chứng khoán, trái phiếu) đang khó khăn cũng là những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng tín dụng.



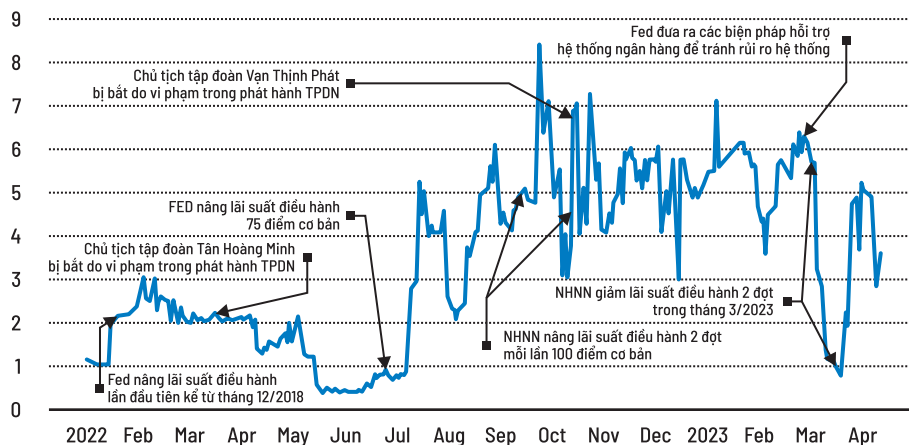
1.2.2. Lãi suất

Ngân hàng Nhà nước thời gian gần đây đã liên tiếp cắt giảm lãi suất điều hành, tạo kỳ vọng tích cực cho người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, có một thực tế là ngay cả khi lãi suất ngân hàng giảm, việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp vẫn không dễ dàng.

Ngân hàng Nhà nước đã có 2 đợt giảm lãi suất điều hành vào cuối tháng 3 và đầu tháng 4 vừa qua. Ngay cả trên thị trường 1, Ngân hàng Nhà nước cũng giảm trần lãi suất huy động các kỳ hạn dưới 6 tháng từ 6%/năm xuống 5,5%/năm.

LÃI SUẤT QUA ĐÊM LIÊN NGÂN HÀNG GIẢM MẠNH SAU ĐỘNG THÁI CẮT GIẢM LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH CỦA NHNN

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2.3. Tỷ giá

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 4/2023 giảm 0,89% so với tháng trước; giảm 2,26% so với tháng 12/2022; tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 4 tháng đầu năm 2023 tăng 3,21%.

1.2.4. Chứng khoán

Bất chấp những nỗ lực của Ngân hàng Nhà nước trong việc hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế, chứng khoán vẫn trôi sụt với thanh khoản sụt giảm. Giới đầu tư ngắn hạn đang tỏ ra thận trọng. Chỉ số VN-Index chủ yếu vẫn duy trì đi ngang và giữ vững nền giá từ đầu năm.

Khối ngoại giải ngân chưa đến 20.000 tỷ đồng vào chứng khoán Việt Nam trong tháng 4, bằng một nửa những tháng cao điểm năm ngoái và là mức thấp nhất 12 tháng qua.

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

▪ Giảm thuế

Để kích thích tiêu dùng, thúc đẩy sản xuất, Bộ Tài chính đề xuất giảm 2% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với tất cả các hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 10%, dự kiến áp dụng từ 1/7 đến hết năm nay. Nếu Quốc hội thông qua đề xuất của Bộ Tài chính, thuế giá trị gia tăng sẽ giảm từ 10 xuống còn 8% thì người tiêu dùng sẽ được hưởng lợi trực tiếp.

Việc giảm thuế VAT sẽ làm giảm nguồn thu ngân sách trước mắt nhưng về lâu dài, nhờ các tác động tích cực từ chính sách này và áp dụng thêm các biện pháp khác sẽ giúp doanh nghiệp hồi sức, điều này có thể khiến thu ngân sách có thể dôi dư, vượt xa con số hụt thu do giảm thuế VAT.

▪ Triển khai hiệu quả gói tín dụng 120.000 tỷ đồng

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu tích cực, khẩn trương tổ chức triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng để cho vay đối với chủ đầu tư và người mua nhà của các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân.

Kịp thời phối hợp chặt chẽ và thống nhất với Bộ Xây dựng về cách thức, phương thức tổ chức triển khai thực hiện tích cực, khẩn trương đồng bộ, hiệu quả, khả thi.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

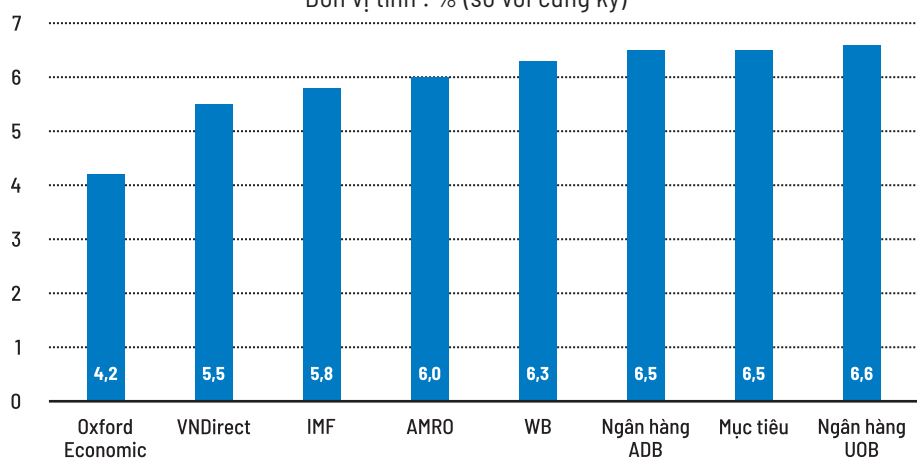
Trong báo cáo triển vọng kinh tế thế giới của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo, kinh tế Việt Nam có thể sẽ tăng trưởng 5,8% trong năm nay và 6,9% năm sau, trong nhóm dẫn đầu châu Á. Tuy nhiên, con số này thấp hơn các dự báo của các tổ chức quốc tế khác.

Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng nước ta năm nay 6,3%; Ngân hàng UOB của Singapore dự báo Việt Nam có thể tăng trưởng 6,6%. Ngoài ra, Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2023 là 6,5% và năm 2024 là 6,8%, cũng là mức tăng trưởng kinh tế cao nhất trong khu vực Đông Nam Á.

Đánh giá triển vọng kinh tế Việt Nam, các chuyên gia AMRO dự báo kinh tế Việt Nam có thể đạt mức tăng trưởng GDP 6% trong năm 2023 và tăng lên 7,1% trong năm 2024.

CÁC TỔ CHỨC DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM NĂM 2023

Đơn vị tính : % (so với cùng kỳ)



Nguồn: Dự báo của các tổ chức



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ*

Ngày 2/4, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ cùng các đồng minh, bao gồm Nga, cam kết sẽ giảm sản lượng hơn 1 triệu thùng/ngày từ tháng 05/2023, trong đó, Ả-rập Xê-út dẫn đầu với mức giảm 500,000 thùng.

Động thái cắt giảm có phần bất ngờ của OPEC+ khiến cho thị trường có nguy cơ mất cân bằng cung - cầu. Hiện khó có nhà sản xuất lớn nào, kể cả Mỹ có thể bù đắp khoảng trống mà các nhà sản xuất dầu từ Trung Đông và Nga để lại.

1.1.2. Thị trường trong nước

Việc cắt giảm sản lượng dầu thô của OPEC+ không ảnh hưởng gì về khối lượng nguyên liệu dầu thô đầu vào của Nhà máy Dung Quất do BSR đã ký hợp đồng dài hạn từ nhiều tháng trước cũng như lượng dầu thô nhập khẩu chỉ chiếm khoảng 30%, số còn lại là mua từ các nhà thầu trong nước. Cụ thể, tại thời điểm hiện nay, BSR đã dự trữ đủ khối lượng dầu thô cho Nhà máy Dung Quất hoạt động trong tháng 4, tháng 5, riêng tháng 6 đã gần đủ.

Hệ thống kinh doanh xăng dầu còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc tiếp cận vốn tín dụng, trong khi đây là mặt hàng chiến lược, cần có cơ chế riêng.

1.2. Dự báo

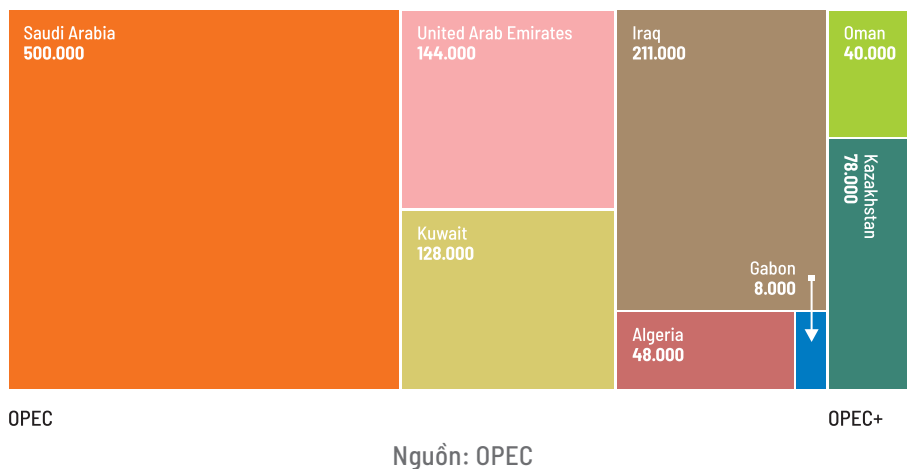
1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ*

Nguồn cung dầu thô ở Trung Đông dự kiến sẽ thắt chặt hơn từ tháng 5 sau khi OPEC+ công bố kế hoạch cắt giảm sản lượng một lần nữa, làm tăng chi phí cho các nhà máy lọc dầu từ châu Á đến châu Âu và thúc đẩy họ tìm kiếm thêm nguồn cung từ Nga, châu Phi và châu Mỹ.

PHÂN BỐ CẮT GIẢM SẢN LƯỢNG TẠI CÁC QUỐC GIA TRUNG ĐÔNG

Đơn vị tính: Thùng/ngày



Ngày 12/4, Cơ quan Thông tin năng lượng Mỹ (EIA) đưa ra dự báo rằng bất chấp việc cắt giảm sản lượng bất ngờ của OPEC+, thị trường dầu mỏ toàn cầu sẽ vẫn dư thừa trong năm nay và năm tới do tăng trưởng nhu cầu có thể bị ảnh hưởng do tăng trưởng kinh tế thấp hơn dự kiến trong những tháng tới. EIA kỳ vọng sản lượng dầu toàn cầu sẽ tăng 1,5 triệu thùng mỗi ngày (bpd) vào năm 2023, do sự tăng trưởng mạnh mẽ từ các quốc gia ngoài OPEC, ngoại trừ Nga. Năm nay, sản lượng dầu toàn cầu được thiết lập ở mức trung bình 101,3 triệu thùng/ngày.

▪ **Cầu dầu mỏ**

Nhu cầu sản phẩm xăng dầu thế giới đang có tốc độ tăng không lớn do kinh tế Trung Quốc mở cửa trở lại từ đầu năm 2023, còn các nền kinh tế lớn như Mỹ, Liên minh Châu Âu vẫn đang gặp nhiều khó khăn bởi chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm đảm bảo khống chế lạm phát cùng suy thoái kinh tế. Vì vậy, tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu dự báo sẽ ở mức 100 triệu thùng sản phẩm/ngày.

EIA dự báo mức tiêu thụ dầu toàn cầu ước tính là 100,87 triệu thùng/ngày. Theo EIA, lượng dư thừa trên thị trường sẽ bắt đầu giảm trong quý này, nhưng ngay cả trong quý 3, thị trường vẫn sẽ dư thừa nhẹ.

Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) cũng dự đoán tăng trưởng nhu cầu mạnh mẽ ở Trung Quốc. OPEC đã sửa đổi dự báo trong báo cáo thị trường dầu mỏ hàng tháng mới nhất lên 700.000 thùng/ngày, từ mức 590.000 thùng/ngày trong báo cáo trước đó.

▪ **Diễn biến giá**

Ngày càng có nhiều ngân hàng dự báo giá dầu sẽ tăng. Goldman Sachs đã nâng mức dự báo cho cuối năm từ 90 USD/thùng lên 95 USD/thùng. OPEC+ vẫn có thể hy vọng giá cao hơn. Nhiều quỹ phòng hộ đã bán dầu trong cuộc khủng hoảng ngân hàng tháng trước, do các tài sản rủi ro như hàng hóa bị cuốn vào đợt bán tháo.

Các nhà phân tích tại Rystad cho biết việc giảm sản lượng sẽ thắt chặt thị trường dầu mỏ, và sẽ khiến giá dầu Brent sớm vượt ngưỡng 100 USD/thùng, và vào khoảng 110 USD/thùng vào mùa hè.

1.2.2. Thị trường trong nước

Diễn biến của thị trường thế giới rất khó đoán định, cùng với xu hướng phục hồi đà tăng trưởng kinh tế của đất nước thời gian tới, đòi hỏi các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp đầu mối cần có giải pháp đủ mạnh và khả thi để bảo đảm đáp ứng đủ nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong mọi tình huống.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

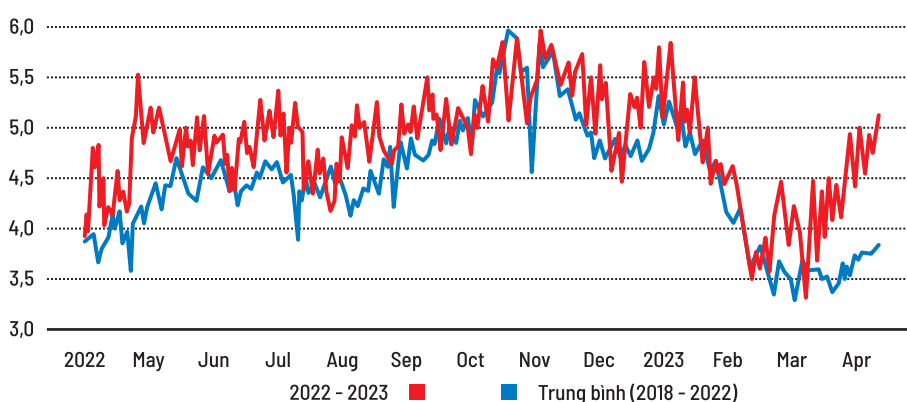
2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Cả châu Á và châu Âu - những khu vực có nhu cầu tiêu thụ khí tự nhiên cao đều đang trong trạng thái tồn kho cao khi bước vào mùa hè, nhờ thời tiết ấm và các biện pháp tiết kiệm năng lượng cũng như tăng cường nguồn dự trữ.

TỒN KHO LNG CỦA CHÂU ÂU ĐANG TĂNG MẠNH

Đơn vị tính: Triệu cubic meters



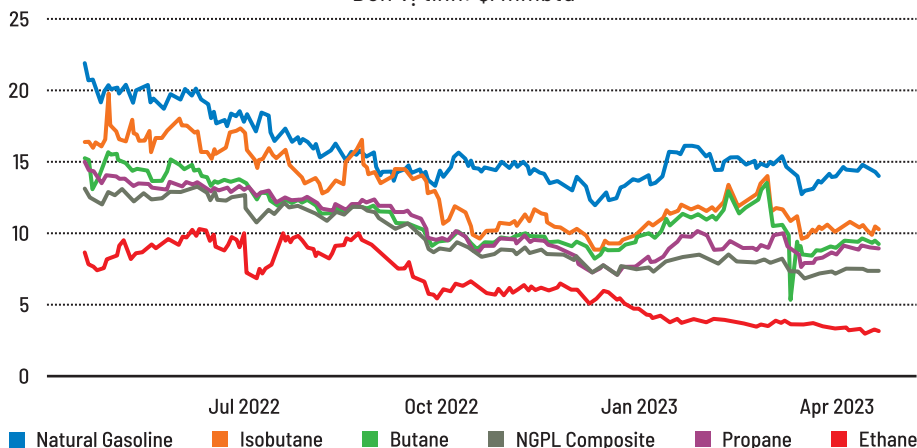
Nguồn: Gas Infrastructure Europe

Nguồn cung khí đốt trên toàn cầu đang trở nên dư thừa khiến giá giảm mạnh. Các tàu chuyên chở khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) đang lênh đênh trên biển vì không tìm được khách mua. Trước đó, loại khí này từng được coi là giải pháp thay thế cho khí đốt đường ống của Nga.

Tính chung từ đầu năm đến nay, giá khí tự nhiên hoá lỏng đã giảm 55%, và giảm tới 82% nếu so với mức đỉnh lịch sử 70,50 USD/mmBtu thiết lập hồi tháng 8/2022.

DIỄN BIẾN GIÁ LNG

Đơn vị tính: \$/mmbtu



Nguồn: EIA, Petroleum Supply Monthly (PSM), Bloomberg, L.P

2.1.2. Thị trường trong nước

Giá gas bán lẻ trong nước từ 1/4 ghi nhận mức giảm mạnh nhất kể từ đầu năm tới nay. Cụ thể, so với tháng 3, mỗi bình gas loại 12 kg đến tay người tiêu dùng giảm từ 58.000-62.000 đồng, loại 45 kg giảm khoảng 220.000 đồng/bình, tùy thương hiệu. Nguyên nhân giá gas trong nước quay đầu giảm mạnh là do giá gas thế giới tháng 4 chốt ở mức 550 USD/tấn, giảm 180 USD/tấn so với tháng 3.

Hiện nguồn cung gas nội địa chỉ chủ động được khoảng 60% mức tiêu thụ. Vì vậy, các doanh nghiệp kinh doanh gas trong nước cũng điều chỉnh giảm theo.

Sức chứa của hệ thống kho khí hóa lỏng còn hạn chế. Hiện cả nước chỉ có 10 kho có dung tích từ 10.000 m³ trở lên và chưa có kho LNG đưa vào hoạt động.

Việc xây dựng mới các tuyến ống dẫn khí từ kho LNG đến các hộ tiêu thụ cũng gặp nhiều khó khăn do khi quy hoạch các khu công nghiệp chưa dành hành lang cho tuyến ống dẫn khí đốt.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Tình trạng dư thừa khí đốt trong ngắn hạn sẽ gây áp lực lên giá LNG trong vài tuần tới và có thể kéo các chỉ số giá khí đốt đi xuống thậm chí có thể chạm đáy. Tuy nhiên, tình trạng dư thừa hiện tại có thể không duy trì lâu bởi giá khí đốt rẻ sẽ kéo nhu cầu lên cao.

2.2.2. Thị trường trong nước

Việt Nam có kế hoạch nâng dự trữ dầu thô và sản phẩm xăng dầu đạt 75-80 ngày nhập ròng đến năm 2030 và đạt 90 ngày nhập khẩu ròng đến năm 2050. Khí đốt dự trữ đạt tối thiểu 15 ngày tiêu thụ.

Hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt được định hướng phát triển trên cơ sở tận dụng năng lực kết nối giao thông - vận tải, ưu tiên tại các khu vực đã được quy hoạch cảng biển quy mô lớn, những khu vực thuận lợi về giao thông thủy, giao thông bộ; khai thác mọi nguồn lực trong nước và khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt.

Ước tính, tổng vốn đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia đến năm 2030 khoảng 270.000 tỷ đồng (tương đương gần 12 tỷ USD).

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

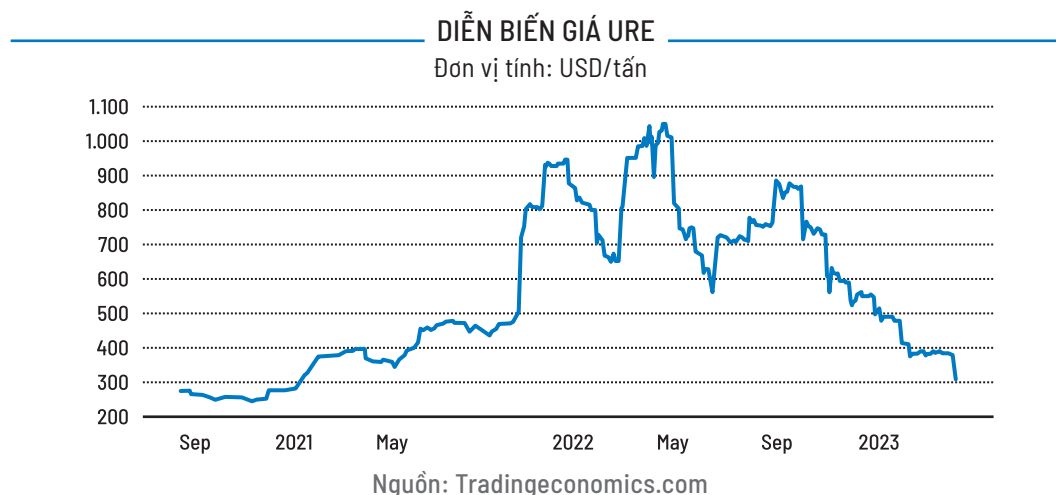
3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Các nhà sản xuất ở Châu Âu mở rộng sản xuất nhờ giá nguyên, nhiên liệu đầu vào giảm khi nguồn khí đốt tự nhiên tăng lên và nhập khẩu LNG dồi dào.

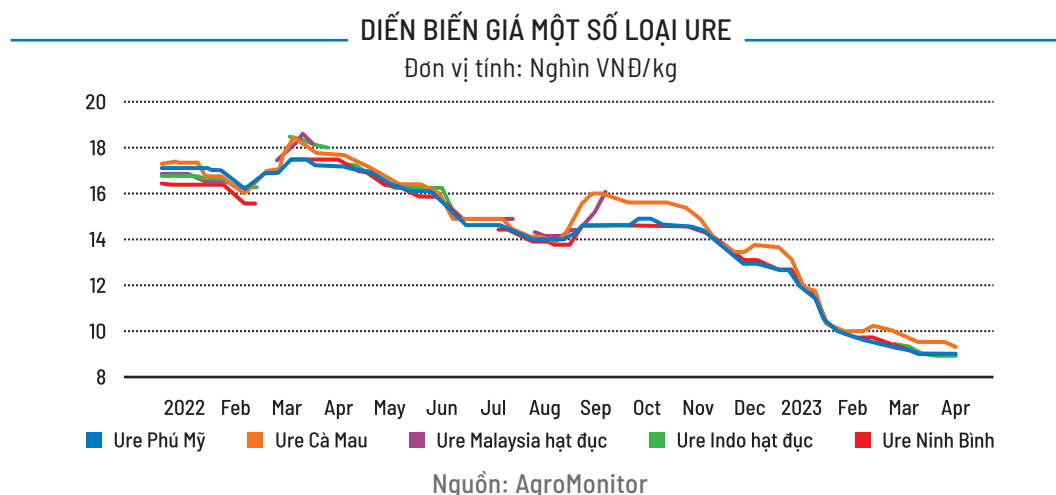
Bên cạnh đó, nguồn cung có xu hướng gia tăng trở lại sau khi Trung Quốc bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu cũng ảnh hưởng đến diễn biến giá các loại phân bón.

Giá ure thế giới liên tục giảm mạnh qua đó rơi xuống mức 307,5 USD/tấn ngay đầu tháng 4/2023. Đây là mức thấp nhất trong 27 tháng kể từ đầu năm 2021. So với tháng 4/2022 giá phân bón này đã giảm đến 70% và vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại.



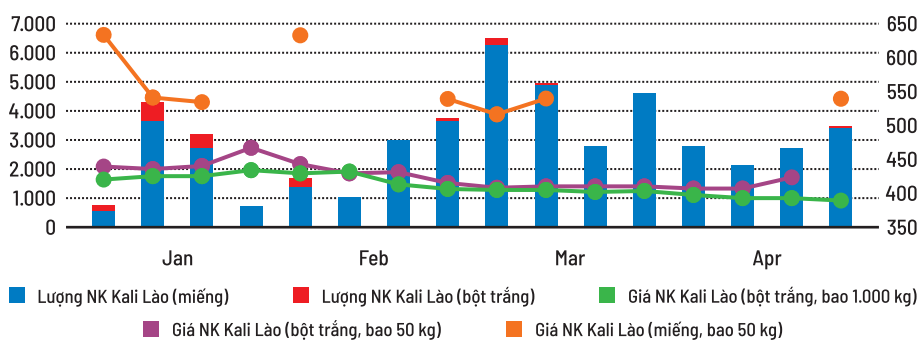
3.1.2. Thị trường trong nước

Giá ure ở Việt Nam vẫn giữ xu hướng giảm trong tháng 4, tuy nhiên mức giảm tiếp tục chậm lại.



Lượng kali nhập khẩu về Việt Nam theo tuần tăng nhẹ từ đầu tháng 4 nhưng giá nhập khẩu vẫn có xu hướng giảm.

LƯỢNG VÀ GIÁ NHẬP KHẨU PHÂN BÓN KALI

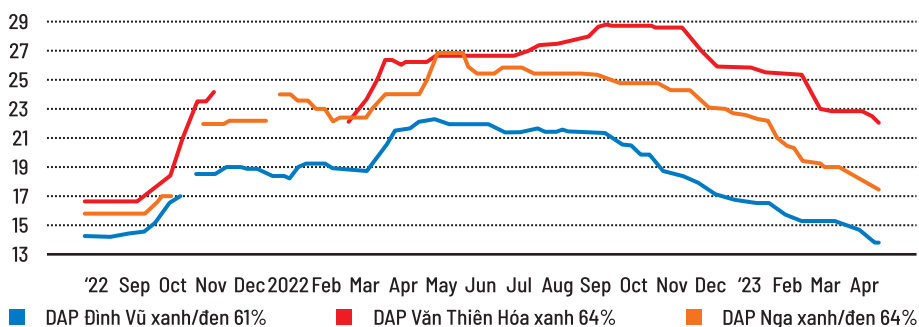


Nguồn: AgroMonitor

Cuối tháng 4, giá DAP giao dịch tại Việt Nam tiếp tục xu hướng giảm giá với giá hiện tại đã về thời điểm tháng 8 - 9/2021.

DIỄN BIẾN GIÁ MỘT SỐ LOẠI PHÂN DAP

Đơn vị tính: Nghìn VNĐ/kg

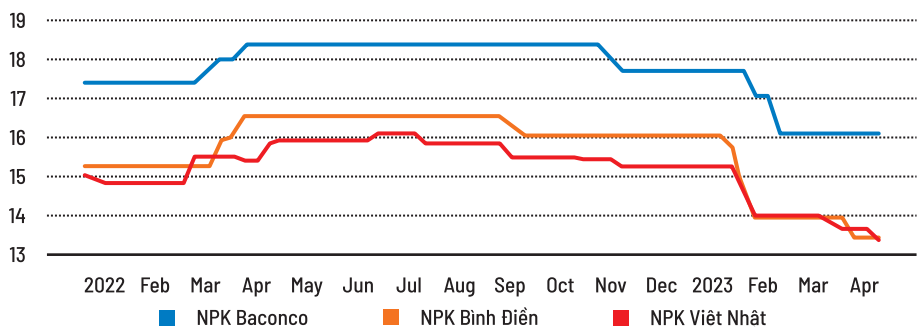


Nguồn: AgroMonitor

Cuối tháng 4, hầu hết các nhà máy NPK trong nước chưa điều chỉnh giá trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ tăng tại ĐBSCL cho lúa hè thu.

DIỄN BIẾN MỘT SỐ LOẠI PHÂN NPK

Đơn vị tính: Nghìn VNĐ/kg



Nguồn: AgroMonitor

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Giá ure năm 2023 sẽ chịu áp lực giảm do nguồn cung tăng đến từ Trung Quốc mới lỏng xuất khẩu và nhu cầu nhập khẩu ure từ Ấn Độ giảm do nước này tăng cường sản xuất ure nội địa. Không chỉ bất lợi về giá, hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp phân bón sẽ là thách thức rất lớn trong năm 2023.

3.2.2. Thị trường trong nước

Doanh nghiệp phân bón trong nước đang gánh chịu những khó khăn, bất lợi khác đến từ chính sách Thuế GTGT phân bón trong Luật Thuế 71 và Thuế tự vệ DAP.

Luật Thuế 71 quy định phân bón là đối tượng không chịu thuế VAT khiến không chỉ doanh nghiệp phân bón chịu thiệt vì toàn bộ thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ hàng năm mà nông nghiệp, người nông dân cũng bị ảnh hưởng do phải mua phân bón với giá thành cao hơn 5-8% do doanh nghiệp phải hạch toán một phần thuế không được khấu trừ vào chi phí sản xuất.

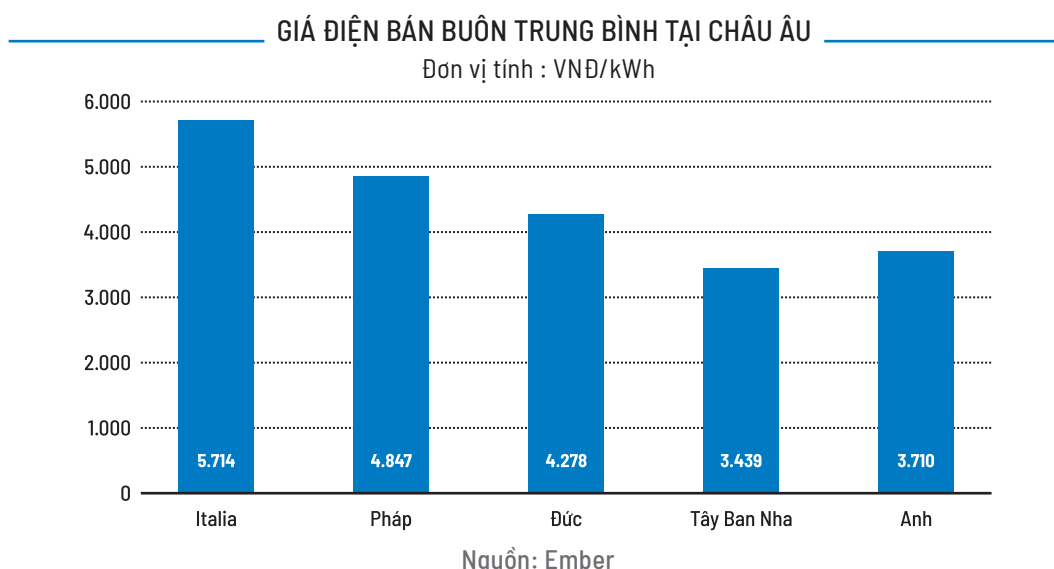
4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Do khủng hoảng năng lượng, lạm phát kéo dài và chiến sự diễn ra tại Ukraine chưa có dấu hiệu dừng lại khiến giá điện ở nhiều nước trên thế giới vẫn tăng cao.

Giá bán buôn trung bình ở Châu Âu tuy giảm đôi chút, nhưng vẫn cao hơn giai đoạn đầu năm 2022. Hiện tại vẫn chưa có dấu hiệu cho thấy cuộc khủng hoảng năng lượng đã lắng xuống.



4.1.2. Thị trường trong nước

Việt Nam đang là quốc gia có mức giá điện bình quân thấp so với hầu hết các quốc gia trong khu vực, thậm chí mức giá bán lẻ điện Việt Nam chỉ bằng 50% so với Philippines - quốc gia có giá điện cao nhất khu vực. Riêng Lào là nước có giá điện thấp nhất khu vực, do quốc gia này có 70% điện năng sản xuất từ thủy điện giá rẻ và 25% từ nhiệt điện than.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường trong nước

Trong bối cảnh lãi suất cho vay cao, chi phí xăng dầu vận chuyển cao đã khiến doanh nghiệp không có lãi, thì việc giá điện sắp tới được điều chỉnh tăng càng khiến người sản xuất trở nên khó khăn hơn. Ngoài ra, thị trường xuất khẩu trong thời gian tới còn khó lường, giá điện tăng cũng không thể tính vào chi phí sản xuất khiến sản phẩm không thể cạnh tranh với đối thủ của các nước khác.

Tăng trưởng nhu cầu sử dụng điện được dự báo ở mức khá khiêm tốn do ảnh hưởng bởi nhu cầu sử dụng điện của nhóm Công nghiệp - Xây dựng, đặc biệt là trong sản xuất xi măng, sắt thép sẽ bị hạn chế trong năm nay khi nhu cầu thấp tại thị trường bất động sản nhà ở dự kiến sẽ kéo dài cho đến hết năm nay.

Mặt khác, nhiệt độ mùa hè năm nay có thể sẽ ở mức cao khi pha El Nino dự kiến trở lại từ tháng 5/2023, cùng với đó, hoạt động thương mại, dịch vụ đang dần phục hồi về mức trước dịch COVID-19 sẽ hỗ trợ nhu cầu điện đột biến của nhóm ngành Tiêu dùng dân cư - Dịch vụ.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Năm 2023, dự báo sẽ còn nhiều khó khăn và thách thức đối với ngành dầu khí. Cùng với đó, trong xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành năng lượng toàn cầu ít nhiều tác động đến giá các sản phẩm chính trong ngành, sản lượng dầu khai thác đang trên đà giảm, công tác đầu tư trong tìm kiếm, thăm dò nhiều hạn chế... những yếu tố khách quan trên đặt ra những thách thức, đòi hỏi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cần có những giải pháp đầu tư, cơ chế, tạo nguồn lực, chủ động trong việc thực hiện các dự án, kế hoạch thăm dò, khai thác dầu khí, gia tăng trữ lượng trong tương lai. Cụ thể:

- *Tiếp tục bám sát tình hình vĩ mô, thị trường, điều hành SXKD hợp lý, kịp thời, nỗ lực quản trị rủi ro, kiểm soát, giảm thiểu thiệt hại từ các tác động tiêu cực, biến động giá, sản lượng, nhu cầu thị trường... và nỗ lực tận dụng tốt các cơ hội, địa điểm để tăng trưởng.*
- *Tiếp tục triển khai các giải pháp để duy trì sản lượng khai thác dầu khí, đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế đất nước trong bối cảnh khó khăn; tận dụng thời điểm thị trường điện mùa khô, từ nay đến tháng 6/2023 các nhà máy điện duy trì trong Tập đoàn tính khả dụng cao, sẵn sàng cung ứng; nỗ lực đảm bảo các mốc tiến độ quan trọng tiếp theo của NMNĐ Thái Bình 2.*
- *Tập trung công tác dự báo, đánh giá địa điểm, động lực tăng trưởng tại các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn (bao gồm: sản phẩm dầu thô, sản phẩm khí, các sản phẩm lọc hóa dầu, các sản phẩm hóa chất,...) xây dựng các phương án kinh doanh, mở rộng thị trường và tính toán phân bổ doanh thu tại các lĩnh vực; Song song với quản trị vốn/giá thành các sản phẩm; quản trị dòng tiền; quản trị các khoản công nợ tại các đơn vị góp phần vào gia tăng doanh thu lợi nhuận cho các đơn vị và Tập đoàn nói chung.*
- *Tập trung các nguồn lực đầu tư vào các dự án có hiệu quả cao, dự án trọng điểm; không đầu tư dàn trải; Quyết liệt xử lý các vướng mắc, các dự án yếu kém, tồn đọng kéo dài.*
- *Tiếp tục tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc tại các dự án trọng điểm, dự án lớn tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, trong đó chú trọng triển khai các giải pháp đột phá; quyết tâm, nỗ lực tại các dự án khó khăn như: dự án điện Thái Bình 2, dự án điện Long Phú 1...; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm của Tập đoàn như: Chuỗi dự án Lô B; Dự án Nhơn Trạch 3, 4; Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.*
- *Tiếp tục triển khai đề án chuyển đổi số, quản trị tổng thể nguồn lực Tập đoàn... đảm bảo tối ưu nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động của từng khối, lĩnh vực, trong hệ sinh thái Petrovietnam.*

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 5/2023

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 4 NĂM 2023


TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 4 2023	4 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ so sánh (%)		
					A	B	C
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	n/a
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	n/a	103,6	100,5	98,2
3	Hoạt động của doanh nghiệp						
3.1	Thành lập mới	DN	16.000	49.900	112,3	106,4	100,6
3.2	Quay lại hoạt động	DN	9.610	29.000	152,9	136,6	93,8
3.3	Rút lui khỏi thị trường						
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	7.163	49.900	172,7	132,9	121,8
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	5.837	20,9	169,1	155,2	139,9
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.509	6.100	106,9	123	110,1
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	39,3	131,2	116,4	-	117,9
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	8,88	-	-	82,1
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	5,85	-	-	98,8
4.4	Đầu tư ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm)	Triệu USD					
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	501,3	1.505,3	102	113,4	113,9
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	27,54	108,57	92,7	85,2	88,2
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	26,03	102,22	91,9	79,5	84,6
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD		Xuất siêu 6,35	-	-	-

A: Tháng 4/2023 so với tháng trước

B: Tháng 4/2023 so với tháng 4/2022

C: 4 tháng so với cùng kỳ năm 2022



 Pexels/Anna Nekrashevich



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện